

Số: /VP-HCC

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

V/v công khai kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp quý I/2024 theo Quyết định số 766/QĐ-TTg

Kính gửi:

- Lãnh đạo các Sở, ban ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử (sau đây viết tắt là Quyết định số 766/QĐ-TTg).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024 và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1764/UBND-HCC ngày 21/02/2024; trong đó giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan định kỳ công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, địa phương để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

Qua theo dõi kết quả đánh giá, xếp loại Quý I/2024 của các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về nguồn dữ liệu và thời điểm đánh giá, xếp loại

- Địa chỉ nguồn số liệu là Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), tại mục “Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương”.

- Số liệu dùng để đánh giá, xếp loại là số liệu được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại thời điểm đánh giá.

- Thời điểm đánh giá, xếp loại vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 08/4/2024.

2. Về cách tính điểm đạt được của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cách xếp loại cụ thể như sau

- Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg thì tổng điểm đánh giá, xếp loại là 100 điểm bao gồm 05 tiêu chí là:

+ Công khai, minh bạch: 18/100 điểm

+ Tiến độ, kết quả giải quyết: 20/100 điểm

- + Số hóa hồ sơ: 22/ 100 điểm
- + Cung cấp dịch vụ trực tuyến: 22/100 điểm
- + Mức độ hài lòng: 18/100 điểm
- Cách tính điểm cụ thể đối với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ số như sau:
- + Đối với các Sở, ban ngành tỉnh:

Điểm chỉ tiêu thứ $i = (\text{Tỷ lệ đạt được của chỉ tiêu thứ } i * \text{Mức điểm tối đa của chỉ tiêu thứ } i) / 100$. (Ví dụ: Tại thời điểm đánh giá, xếp loại, Sở A đạt 75% của tiêu chí “Số hóa hồ sơ” thì điểm số tuyệt đối tiêu chí “Số hóa hồ sơ” của Sở A = $75 * 22 / 100 = 16,5$ điểm.

+ Đối với UBND cấp huyện và UBND cấp xã: Lấy tổng số điểm mà UBND cấp huyện, UBND cấp xã đạt được trên tổng số 100 điểm tại thời điểm xếp loại để đánh giá, xếp loại (Điểm số tổng hợp 05 tiêu chí của UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được tính sẵn và công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

- Trên cơ sở đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg thì kết quả phân loại như sau:

- + Từ 90 đến dưới 100 điểm xếp loại: Xuất sắc.
- + Từ 80 đến dưới 90 điểm xếp loại: Tốt.
- + Từ 70 đến dưới 80 điểm xếp loại: Khá.
- + Từ 50 đến dưới 70 điểm xếp loại: Trung bình.
- + Dưới 50 điểm xếp loại: Yếu.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại:

- Cấp tỉnh:
 - + Không có cơ quan xếp loại Xuất sắc.
 - + Có 04/17 cơ quan xếp loại Tốt.
 - + Có 04/17 cơ quan xếp loại Khá.
 - + Có 05/17 cơ quan xếp loại Trung bình.
 - + Có 03/17 cơ quan xếp loại Yếu và 01/17 đơn vị chưa có thông tin đánh giá, xếp loại (Sở Ngoại vụ).
- Cấp huyện:
 - + Không có UBND cấp huyện xếp loại Xuất sắc.
 - + Không có UBND cấp huyện xếp loại Tốt.
 - + Không có UBND cấp huyện xếp loại Khá.
 - + Có 11/11 cơ quan xếp loại Trung bình.
 - + Không có UBND cấp huyện xếp loại Yếu.
- Cấp xã:

- + Không có UBND cấp xã xếp loại Xuất sắc.
- + Có 03/170 UBND cấp xã xếp loại Tốt.
- + Có 24/170 UBND cấp xã xếp loại Khá.
- + Có 143/170 UBND cấp xã xếp loại Trung bình.
- + Không có UBND cấp xã xếp loại Yếu.

Kèm theo các Phụ lục đánh giá, xếp loại và mức điểm cụ thể đối với các Sở, Ban ngành tỉnh (Phụ lục 1), đối với UBND cấp huyện (Phụ lục 2) và đối với UBND cấp xã (Phụ lục 3).

Văn phòng UBND tỉnh trân trọng thông báo công khai kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông Quý I/2024 đến các cơ quan, địa phương biết để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tiêu chí đạt tỷ lệ thấp.

4. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

Trên cơ sở kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quý I/2024, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị:

a) Các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị; đối với kết quả đánh giá, xếp loại UBND cấp xã, đề nghị UBND cấp huyện công khai.

b) Sở Thông tin và Truyền thông công khai kết quả đánh giá chung của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

c) Giao Cổng Thông tin điện tử tỉnh công khai kết quả đánh giá chung của tỉnh trên trang thông tin điện tử Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

Để tiếp tục cải thiện các nhóm chỉ số theo Quyết định 766/QĐ-TTg, Văn phòng UBND tỉnh dự thảo Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo (*dự thảo văn bản gửi kèm*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (thực hiện);
- Lưu: VT, TCHC, THNC, KTN, KTNS, KGVX, HCC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Phong An

Phụ lục 1
Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các Sở, ban ngành tỉnh
Quý I/2024

(Kèm theo Văn bản số:...../ VP-HCC ngày /4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

ST T	Tên cơ quan/ đơn vị	Công khai minh bạch (số điểm đạt/18 điểm)	Tiến độ giải quyết đúng hạn (số điểm đạt/20 điểm)	Số hóa hồ sơ (số điểm đạt/22 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (số điểm đạt/22 điểm)	Mức độ hài lòng (số điểm đạt được/ 18 điểm)	Tổng điểm/ 100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14,74	18,65	13,86	21,69	18	86,94	Tốt
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	17,6	18,76	12,71	18,74	16,1	83,91	Tốt
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18	17,32	11,6	16,56	17,7	81,18	Tốt
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18	16,28	11,8	17,18	17,35	80,61	Tốt
5	Sở Thông tin và Truyền thông	14,9	16,1	12,2	18,48	17,28	78,96	Khá
6	Sở Xây dựng	18	19	10,7	11,66	18	77,36	Khá
7	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	13,57	19,11	10,14	14,85	18	75,67	Khá
8	Sở Tài chính	18	19,42	6,27	9,17	18	70,86	Khá
9	Sở Công Thương	17,11	19,74	0,11	10,49	18	65,45	Trung bình
10	Sở Giao thông vận tải	2	13,7	12,21	17,79	16,57	62,27	Trung bình
11	Sở Nội vụ	18	18,9	3,1	4,24	18	62,24	Trung bình
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	18	19,26	2,9	3,85	18	62,01	Trung bình
13	Sở Khoa học và Công nghệ	14,8	14,65	5,65	8,16	16,79	60,05	Trung bình
14	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	18	12,1	1,05	1,49	16	48,64	Yếu
15	Sở Y tế	9,9	14,1	1,32	1,87	16,97	44,16	Yếu
16	Sở Tư pháp	18	8,3	1,6	2,2	14,79	44,89	Yếu
17	Sở Ngoại vụ	0	0	0	0	18	18	

Lưu ý: Đối với kết quả đánh giá, xếp loại của Sở Ngoại vụ, do chưa có thông tin về nhóm chỉ số Công khai minh bạch, Tiến độ giải quyết đúng hạn, Số hóa hồ sơ, Dịch vụ công trực tuyến; Văn phòng UBND tỉnh sẽ rà soát lại và sẽ công bố trong kỳ báo cáo sau.

Phụ lục 2
Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện
Quý I/2024

(Kèm theo Văn bản số:/ VP-HCC ngày /4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên UBND cấp huyện	Số điểm đạt được/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	UBND huyện Định Quán	69,79	Trung bình
2	UBND huyện Nhơn Trạch	68,76	Trung bình
3	UBND huyện Long Thành	68,58	Trung bình
4	UBND huyện Cẩm Mỹ	67,92	Trung bình
5	UBND huyện Tân Phú	66,96	Trung bình
6	UBND thành phố Biên Hòa	66,67	Trung bình
7	UBND huyện Thống Nhất	66,36	Trung bình
8	UBND huyện Vĩnh Cửu	65,81	Trung bình
9	UBND huyện Trảng Bom	64,31	Trung bình
10	UBND thành phố Long Khánh	63,43	Trung bình
11	UBND huyện Xuân Lộc	62,91	Trung bình

Phụ lục 3
Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp xã
Quý I/2024

(Kèm theo Văn bản số:...../ VP-HCC ngày /4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Số điểm đạt được/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
I	UBND huyện Nhơn Trạch		
1	UBND xã Phước Khánh	77,83	Khá
2	UBND xã Phú Hội	69,99	Trung bình
3	UBND xã Phú Hữu	67,31	Trung bình
4	UBND xã Đại Phước	67,02	Trung bình
5	UBND xã Phước Thiện	66,74	Trung bình
6	UBND xã Long Tân	63,39	Trung bình
7	UBND thị trấn Hiệp Phước	62,95	Trung bình
8	UBND xã Phước An	61,63	Trung bình
9	UBND xã Phú Thạnh	60,93	Trung bình
10	UBND xã Phú Đông	60,7	Trung bình
11	UBND xã Vĩnh Thanh	60,23	Trung bình
12	UBND xã Long Thọ	57,79	Trung bình
II	UBND thành phố Biên Hòa		
1	UBND phường Quyết Thắng	79,88	Khá
2	UBND phường Tân Hiệp	73,4	Khá
3	UBND phường Hòa Bình	68,51	Trung bình
4	UBND phường Long Bình	68,05	Trung bình
5	UBND phường Tân Mai	65,62	Trung bình
6	UBND phường Tân Hạnh	65,57	Trung bình
7	UBND phường Tam Hòa	65,41	Trung bình
8	UBND phường Long Bình Tân	64,91	Trung bình
9	UBND phường Tân Phong	64,89	Trung bình
10	UBND phường Tân Biên	64,33	Trung bình
11	UBND phường Hiệp Hòa	63,54	Trung bình
12	UBND phường Tam Hiệp	63,16	Trung bình
13	UBND phường Tân Hòa	62,72	Trung bình
14	UBND phường Tân Hòa	62,72	Trung bình
15	UBND phường Thống Nhất	62,66	Trung bình
16	UBND phường Hồ Nai	62,57	Trung bình
17	UBND phường Bửu Long	62,37	Trung bình
18	UBND phường An Bình	61,84	Trung bình
19	UBND phường Bửu Hòa	61,79	Trung bình
20	UBND phường Bình Đa	61,78	Trung bình
21	UBND phường Hóa An	61,12	Trung bình

22	UBND phường Phước Tân	61,09	Trung bình
23	UBND phường Quang Vinh	61,07	Trung bình
24	UBND phường Tam Phước	60,1	Trung bình
25	UBND phường Thanh Bình	60,08	Trung bình
26	UBND phường Trung Dũng	59,8	Trung bình
27	UBND phường Tân Tiến	59,62	Trung bình
28	UBND phường Trảng Dài	59,59	Trung bình
29	UBND xã Long Hưng	59,06	Trung bình
30	UBND phường Tân Vạn	53,35	Trung bình
III	UBND thành phố Long Khánh		
1	UBND phường Suối Tre	68,27	Trung bình
2	UBND phường Xuân Trung	66,95	Trung bình
3	UBND phường Xuân Thanh	66,84	Trung bình
4	UBND phường Xuân An	65,0	Trung bình
5	UBND phường Bảo Vinh	62,17	Trung bình
6	UBND phường Xuân Bình	62,1	Trung bình
7	UBND xã Bàu Trâm	61,58	Trung bình
8	UBND phường Xuân Tân	60,53	Trung bình
9	UBND xã Bảo Quang	60,52	Trung bình
10	UBND phường Xuân Lập	60,22	Trung bình
11	UBND phường Xuân Hòa	59,83	Trung bình
12	UBND phường Bàu Sen	59,76	Trung bình
13	UBND phường Phú Bình	59,33	Trung bình
14	UBND xã Bình Lộc	58,83	Trung bình
15	UBND xã Hàng Gòn	58,4	Trung bình
IV	UBND huyện Tân Phú		
1	UBND xã Phú Xuân	73,99	Khá
2	UBND xã Phú Bình	72,61	Khá
3	UBND xã Phú Lâm	71,13	Khá
4	UBND xã Phú Lộc	70,87	Khá
5	UBND xã Phú Trung	70,4	Khá
6	UBND xã Phú Lập	69,43	Trung bình
7	UBND xã Phú Sơn	69,22	Trung bình
8	UBND xã Phú Điền	68,64	Trung bình
9	UBND xã Thanh Sơn	67,91	Trung bình
10	UBND xã Nam Cát Tiên	67,86	Trung bình
11	UBND xã Trà Cỏ	66,6	Trung bình
12	UBND xã Phú Thanh	66,57	Trung bình
13	UBND xã Phú Thịnh	65,83	Trung bình
14	UBND xã Tà Lài	65,45	Trung bình
15	UBND xã Phú An	65,41	Trung bình
16	UBND xã Núi Tượng	64,36	Trung bình
17	UBND thị trấn Tân Phú	62,13	Trung bình

18	UBND xã Đắc Lua	61,9	Trung bình
V	UBND huyện Vĩnh Cửu		
1	UBND xã Tân Bình	70,37	Khá
2	UBND xã Hiếu Liêm	69,58	Trung bình
3	UBND xã Mã Đà	68,51	Trung bình
4	UBND xã Vĩnh Tân	67,78	Trung bình
5	UBND thị trấn Vĩnh An	65,3	Trung bình
6	UBND xã Trị An	64,04	Trung bình
7	UBND xã Bình Lợi	63,2	Trung bình
8	UBND xã Tân An	61,94	Trung bình
9	UBND xã Phú Lý	61,73	Trung bình
10	UBND xã Thạnh Phú	61,45	Trung bình
11	UBND xã Bình Hòa	58,41	Trung bình
12	UBND xã Thiện Tân	57,94	Trung bình
VI	UBND huyện Trảng Bom		
1	UBND xã Hưng Thịnh	74,02	Khá
2	UBND xã Giang Điền	70,33	Khá
3	UBND xã Tây Hòa	69,74	Trung bình
4	UBND xã Bình Minh	66,62	Trung bình
5	UBND thị trấn Trảng Bom	65,16	Trung bình
6	UBND xã Sông Trầu	64,01	Trung bình
7	UBND xã Sông Thao	63,61	Trung bình
8	UBND xã Bắc Sơn	62,52	Trung bình
9	UBND xã Trung Hòa	61,7	Trung bình
10	UBND xã Hố Nai 3	61,19	Trung bình
11	UBND xã Bàu Hàm	60,47	Trung bình
12	UBND xã An Viễn	60,16	Trung bình
13	UBND xã Cây Gáo	59,95	Trung bình
14	UBND xã Đồi 61	59,71	Trung bình
15	UBND xã Đông Hòa	59,31	Trung bình
16	UBND xã Thanh Bình	56,13	Trung bình
17	UBND xã Quảng Tiến	51,6	Trung bình
VII	UBND huyện Long Thành		
1	UBND xã Tam An	80,62	Tốt
2	UBND xã Phước Bình	76,68	Khá
3	UBND xã Long Phước	73,07	Khá
4	UBND xã Long Đức	70,78	Khá
5	UBND xã Lộc An	68,8	Trung bình
6	UBND xã Long An	65,79	Trung bình
7	UBND xã Bình An	64,48	Trung bình
8	UBND xã Phước Thái	63,62	Trung bình
9	UBND xã Bàu Cạn	63,16	Trung bình
10	UBND xã Tân Hiệp	62,11	Trung bình

11	UBND xã Bình Sơn	60,27	Trung bình
12	UBND xã An Phước	59,4	Trung bình
13	UBND xã Cẩm Đường	56,35	Trung bình
14	UBND thị trấn Long Thành	54,39	Trung bình
VIII	UBND huyện Cẩm Mỹ		
1	UBND xã Nhân Nghĩa	79,72	Khá
2	UBND xã Thừa Đức	71,16	Khá
3	UBND thị trấn Long Giao	69,85	Trung bình
4	UBND xã Xuân Đông	69,19	Trung bình
5	UBND xã Sông Nhạn	68,65	Trung bình
6	UBND xã Xuân Mỹ	65,99	Trung bình
7	UBND xã Xuân Báo	65,95	Trung bình
8	UBND xã Sông Ray	65,56	Trung bình
9	UBND xã Xuân Tây	65,48	Trung bình
10	UBND xã Xuân Đường	64,61	Trung bình
11	UBND xã Lâm Sơn	63,59	Trung bình
12	UBND xã Bảo Bình	61,89	Trung bình
13	UBND xã Xuân Quế	61,73	Trung bình
IX	UBND huyện Định Quán		
1	UBND xã Phú Lợi	81,21	Tốt
2	UBND xã Phú Tân	79,6	Khá
3	UBND xã Gia Canh	76,5	Khá
4	UBND xã Ngọc Định	71,51	Khá
5	UBND xã Phú Vinh	68,28	Trung bình
6	UBND xã Phú Túc	66,06	Trung bình
7	UBND thị trấn Định Quán	65,92	Trung bình
8	UBND xã Túc Trung	65,53	Trung bình
9	UBND xã Phú Ngọc	65,03	Trung bình
10	UBND xã La Ngà	64,08	Trung bình
11	UBND xã Thanh Sơn	63,42	Trung bình
12	UBND xã Suối Nho	63,24	Trung bình
13	UBND xã Phú Cường	62,73	Trung bình
14	UBND xã Phú Hòa	54,02	Trung bình
X	UBND huyện Thống Nhất		
1	UBND xã Gia Tân 3	74,36	Khá
2	UBND xã Quang Trung	70,53	Khá
3	UBND xã Gia Tân 1	66,05	Trung bình
4	UBND xã Xuân Thiện	61,45	Trung bình
5	UBND xã Hưng Lộc	60,8	Trung bình
6	UBND xã Gia Tân 2	60,68	Trung bình
7	UBND xã Gia Kiệm	59,24	Trung bình
8	UBND xã Lộ 25	58,6	Trung bình
9	UBND thị trấn Dầu Giây	57,45	Trung bình

10	UBND xã Bàu Hàm 2	57,19	Trung bình
XI	UBND huyện Xuân Lộc		
1	UBND xã Suối Cao	81,14	Tốt
2	UBND xã Xuân Hòa	77,09	Khá
3	UBND xã Xuân Hiệp	73,72	Khá
4	UBND xã Suối Cát	71,54	Khá
5	UBND xã Xuân Định	68,92	Trung bình
6	UBND xã Xuân Thọ	68,88	Trung bình
7	UBND xã Xuân Thành	67,94	Trung bình
8	UBND xã Xuân Trường	67,92	Trung bình
9	UBND xã Xuân Bắc	66,6	Trung bình
10	UBND xã Bảo Hòa	66,49	Trung bình
11	UBND thị trấn Gia Ray	65,1	Trung bình
12	UBND xã Xuân Phú	64,88	Trung bình
13	UBND xã Lang Minh	62,84	Trung bình
14	UBND xã Xuân Hưng	60,06	Trung bình
15	UBND xã Xuân Tâm	56,77	Trung bình